

Số: 3262/2013/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với nhà đầu tư
vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008;

Căn cứ Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 về Phê duyệt Chương trình Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3799/2010/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 của UBND Tỉnh ban hành quy định một số cơ chế tài chính khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Kế hoạch số 4673/UBND-KH ngày 24/9/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về phát triển khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh tại Văn bản số 2699/KHĐT-KTNN ngày 25/11/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với nhà đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Lao động – Thương binh và Xã hội, Công Thương; Trưởng Ban Hỗ trợ và Xúc tiến đầu tư tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh, Giám đốc Ngân hàng Phát triển Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Huyện, Thị xã, Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /v2

Nơi nhận:

- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể;
- Quỹ phát triển KH&CN Quảng Ninh;
- Báo QN, Đài PT-TH QN;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Các CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NLN1 (65b- QD 33).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thông

Quảng Ninh, ngày tháng 11 năm 2013

QUY ĐỊNH

**Áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với nhà đầu tư
vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Ninh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3262/2013/QĐ-UBND ngày 28/11/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này cho phép áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ được quy định tại các văn bản Luật và văn bản dưới Luật đã có đối với nhà đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Hồng Thái Tây, huyện Đông Triều và xã Đại Bình, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng, điều kiện áp dụng

1. Đối tượng áp dụng:

- Nhà đầu tư thực hiện đầu tư tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Quảng Ninh.
- Các cơ quan, đơn vị của Tỉnh liên quan đến thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

2. Điều kiện áp dụng:

- Nhà đầu tư phải có dự án đầu tư nghiên cứu hoặc ứng dụng hoặc nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp thuộc lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản hoặc có dự án đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Các dự án này đáp ứng tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Ninh *(Phụ lục kèm theo)*.

Điều 3. Tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp

1. Công nghệ được sử dụng trong dự án phải là công nghệ thế hệ mới và thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp phải thuộc một trong các trường hợp sau:

- Sử dụng kết quả nghiên cứu hoặc chuyển giao công nghệ, bao gồm các dự án có hoạt động triển khai thực nghiệm nhằm tạo ra sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- Sản xuất thử nghiệm nhằm hoàn thiện công nghệ cao, sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở quy mô sản xuất nhỏ;

- Làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam, có sử dụng nguyên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước thay thế nhập khẩu;

- Xây dựng mô hình và đầu tư sản xuất sản phẩm để tạo ra các sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, có thể thay thế sản phẩm nhập khẩu.

3. Số lao động có bằng đại học trở lên trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 5% tổng số lao động của dự án;

4. Tổng chi bình quân cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam hàng năm phải đạt ít nhất 1% tổng doanh thu của dự án.

5. Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt các tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008, CMM hoặc GMP (tuỳ theo đặc thù dự án ứng dụng công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế).

6. Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích dự án đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường như ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Nhà đầu tư:

a) Doanh nghiệp có đăng ký hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, (bao gồm cả Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài).

b) Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác được thành lập theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

c) Các Trung tâm, Viện, Trường, Trạm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

d) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

đ) Hộ gia đình, cá nhân ở trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

2. Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Là doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị gia tăng cao.

Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 19 Luật Công nghệ cao, được cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Quyết định số 69/2010/QĐ-TTg ngày 03/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 50/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực nông nghiệp:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực nông nghiệp được xác định theo quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể là:

- Doanh nghiệp nhỏ: Tổng nguồn vốn 20 tỷ đồng trở xuống; số lao động từ trên 10 người đến 200 người.

- Doanh nghiệp vừa: Tổng nguồn vốn từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng; số lao động từ trên 200 người đến 300 người.

Chương II

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 5. Ưu đãi về đất đai

1. Giao đất không thu tiền sử dụng đất:

Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với tổ chức sử dụng đất vào mục đích nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm về nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (*Áp dụng theo Khoản 2, Điều 33 Luật Đất đai 2003*).

2. Giảm tiền sử dụng đất:

Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất phục vụ sản xuất thì được giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư đó (*Áp dụng theo Khoản 3, Điều 5 Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn - Sau đây gọi tắt là Nghị định số 61/2010/NĐ-CP*).

3. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước:

a) Nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động (*Áp dụng theo Khoản 4, Điều 6 Nghị định số 61/2010/NĐ-CP*).

b) Nhà đầu tư thuê đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà bị thiên tai, hỏa hoạn làm thiệt hại dưới 40% sản lượng được xét giảm tiền thuê tương ứng; thiệt hại từ 40% trở lên thì được miễn tiền thuê đối với năm bị thiệt hại (*Áp dụng theo Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước*).

4. Đơn giá thuê đất, giá thuê mặt nước:

- Đơn giá thuê đất đối với các dự án đầu tư tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính bằng tỷ lệ tiền thuê đất ở mức thấp nhất là 0,75% nhân với giá đất nông nghiệp tại khu vực dự án đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm (bắt đầu theo bảng giá đất năm đầu tính tiền thuê đất) và được ổn định 05 (năm) năm.

- Giá thuê mặt nước:

+ Dự án sử dụng mặt nước cố định từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng/km²/năm.

+ Dự án sử dụng mặt nước không cố định từ 50 đến 250 triệu đồng/km²/năm.

(*Áp dụng theo Khoản 1, Điều 6 Nghị định 61/2010/NĐ-CP và Điều 4 Quy định kèm theo Quyết định số 1170/2012/QĐ-UBND ngày 23/5/2012 của UBND tỉnh về quy định đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*)

Điều 6. Ưu đãi về thuế

1. Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (*Áp dụng theo Khoản 2, Điều 19 Luật Công nghệ cao*).

2. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

a) Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 (mười lăm) năm (*Áp dụng theo Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*).

b) Miễn thuế tối đa 4 (bốn) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế; giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa trong 9 (chín) năm tiếp theo (*Áp dụng theo Điểm a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ*).

Điều 7. Ưu đãi về vốn tín dụng

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc đối tượng đầu tư theo Quy định này chấp hành các quy định về vay vốn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, được ưu tiên xem xét vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tỉnh Quảng Ninh; được miễn phí dịch vụ tư vấn vay vốn, phí cung cấp thông tin phòng ngừa rủi ro khi vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tỉnh Quảng Ninh.

- Nhà đầu tư được hỗ trợ lãi suất vốn vay khi vay vốn để thực hiện đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản. Hạn mức vay và mức lãi suất hỗ trợ thực hiện (*Áp dụng theo Điểm b, Khoản 4 Phần III, Điều 1 Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc hỗ trợ lãi suất đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2012 – 2015*).

Điều 8. Hỗ trợ đầu tư

1. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ đầu tư:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí cho các nội dung tại Khoản 2 Điều 8 của Quy định này theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư (sau khi nhà đầu tư đã hoàn thành các hoạt động này có đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định). Nhà đầu tư được hưởng các khoản hỗ trợ tài chính trên phải thực hiện xây dựng dự toán, đăng ký thời điểm thanh quyết toán và có đầy đủ hồ sơ để thanh quyết toán theo quy định.

2. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực:

- Doanh nghiệp nhỏ được ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 70% kinh phí đào tạo nghề trong nước (*Áp dụng theo Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 61/2010/NĐ-CP*)

- Doanh nghiệp vừa được ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% kinh phí đào tạo nghề trong nước (*Áp dụng theo Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 61/2010/NĐ-CP*)

- Mỗi lao động chỉ được đào tạo tối đa một lần/năm và thời gian đào tạo được hỗ trợ kinh phí không quá 6 tháng. Mức kinh phí đào tạo thực hiện theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về phê duyệt mức chi phí đào tạo cho từng nghề trong danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Kinh phí cấp cho các cơ sở dạy nghề của tỉnh để đào tạo cho các doanh nghiệp hoặc trực tiếp cấp cho doanh nghiệp trong trường hợp đào tạo tại chỗ và các doanh nghiệp phải có văn bản đăng ký dạy nghề với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước khi đào tạo tại doanh nghiệp (*Áp dụng theo Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 61/2010/NĐ-CP*).

b) Hỗ trợ phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu:

- Doanh nghiệp nhỏ: Được ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 70% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ninh, Báo Quảng Ninh trong vòng 03 (ba) năm với mỗi năm 04 (bốn) đợt quảng cáo kể từ khi dự án được đầu tư, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/năm; được hỗ trợ tối đa 70% kinh phí tổ chức triển lãm hội chợ trong nước; được miễn phí tiếp cận thông tin thị trường, giá cả dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước (*Áp dụng theo Khoản 1 và Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 61/2010/NĐ-CP*).

- Doanh nghiệp vừa: Được ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ninh, Báo Quảng Ninh trong vòng 03 (ba) năm với mỗi năm 04 (bốn) đợt quảng cáo kể từ khi dự án được đầu tư, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/năm; được hỗ trợ tối đa 50% kinh phí tổ chức triển lãm hội chợ trong nước; được giảm 50% phí tiếp cận thông tin thị trường, giá cả dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước (*Áp dụng theo Khoản 2 và Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 61/2010/NĐ-CP*).

- Nhà đầu tư được tỉnh ưu tiên xét hỗ trợ chi phí xây dựng thương hiệu các sản phẩm của dự án đầu tư tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; mức hỗ trợ từ ngân sách tối đa 80% chi phí xây dựng thương hiệu sản phẩm của dự án, nhưng không quá 1.000 triệu đồng/thương hiệu sản phẩm (*Áp dụng theo Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 13/02/2012 của UBND tỉnh về Ban hành chương trình Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của tỉnh đến 2015*).

c) Hỗ trợ dịch vụ tư vấn:

- Doanh nghiệp nhỏ được ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% kinh phí tư vấn thực tế để thuê tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý, tư vấn nghiên cứu thị trường, tư vấn luật pháp, tư vấn về sở hữu trí tuệ, tư vấn nghiên cứu khoa học, tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất nhưng không vượt quá các mức theo quy định hiện hành (*Áp dụng theo Khoản 1, Điều 11 Nghị định 61/2010/NĐ-CP*).

- Doanh nghiệp vừa được ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 30% kinh phí tư vấn thực tế để thuê tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý, tư vấn nghiên cứu thị trường, tư

vấn luật pháp, tư vấn về sở hữu trí tuệ, tư vấn nghiên cứu khoa học, tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất nhưng không vượt quá các mức theo quy định hiện hành (*Áp dụng theo Khoản 2, Điều 11 Nghị định số 61/2010/NĐ-CP*).

d) Hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ:

- Nhà đầu tư được Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quảng Ninh hỗ trợ không hoàn lại tối đa 50% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do nhà đầu tư chủ trì thực hiện nhằm thực hiện dự án; hỗ trợ không hoàn lại tối đa không quá 30% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (không tính trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí). (*Áp dụng theo Điều 12 Nghị định số 61/2010/NĐ-CP*).

- Nhà đầu tư được hưởng chế độ hỗ trợ đối với hoạt động áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, hoạt động xác lập quyền sở hữu công nghiệp và hoạt động tham dự Chợ Công nghệ và Thiết bị, Hội chợ Thương hiệu, tham dự các Giải thưởng về Khoa học và Công nghệ; mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 3799/2010/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số cơ chế tài chính khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Kinh phí để thực hiện các hỗ trợ

Hàng năm, tỉnh Quảng Ninh bố trí một khoản ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các nhà đầu tư có dự án đầu tư tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 10. Quyền hạn, trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Ngoài được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo Quy định này, Nhà đầu tư còn được hưởng chế độ ưu đãi và hỗ trợ đầu tư khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng hưởng các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư khác nhau theo quy định này hoặc các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan thì được hưởng mức ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cao nhất.

2. Nhà đầu tư chỉ được chuyển nhượng dự án do mình thực hiện cho nhà đầu tư khác sau thời gian 05 (năm) năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động, nhà đầu tư được chuyển nhượng phải là nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu theo quy định này. Việc chuyển nhượng dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

3. Nhà đầu tư thuộc diện được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định này chịu trách nhiệm đảm bảo đúng, đầy đủ các hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán theo quy định.

4. Nhà đầu tư phải đăng ký tiến độ thực hiện dự án hàng năm và cả quá trình thực hiện Dự án, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ đã cam kết. Trường hợp dự án triển khai chậm tiến độ 02 năm liên tiếp theo cam kết sẽ bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư theo quy định, nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả mặt

bằng sạch và toàn bộ các kinh phí ưu đãi, hỗ trợ đã được hưởng theo Quy định này cho tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, ngành và địa phương

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện các chính sách tại Quy định này trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm; đồng thời hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các nhà đầu tư được hưởng các chính sách tại Quy định này.

b) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này, đề xuất phương án giải quyết báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Tỉnh và theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư theo quy định của chính sách này cùng với dự toán ngân sách địa phương hàng năm; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện chính sách.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn quy trình, hồ sơ, thủ tục và cấp phát, thanh quyết toán nguồn kinh phí ưu đãi, hỗ trợ thực hiện các chính sách tại Quy định này theo đúng quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực tài chính.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định, đánh giá và công nhận tiến bộ khoa học và công nghệ mới trong nông nghiệp của các dự án đầu tư.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thẩm định các hồ sơ liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ về khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện Đông Triều trong việc hướng dẫn thực hiện các quy định, giải quyết các khó khăn, vướng mắc về giao đất, cho thuê đất, quản lý tài nguyên và môi trường liên quan đến hoạt động đầu tư, giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai, tài nguyên và môi trường, đảm bảo thuận lợi cho nhà đầu tư.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thẩm định các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ đào tạo lao động, dạy nghề.

7. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thẩm định các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ xúc tiến thương mại.

8. Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh chịu trách nhiệm là cơ quan đầu mối trong việc hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu, hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục và triển khai thực hiện dự án đầu tư; thẩm định trình duyệt chủ trương, địa điểm và chứng nhận đầu tư theo quy định.

9. Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tỉnh Quảng Ninh phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện ưu đãi về vốn tín dụng.

10. Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn các thủ tục và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc miễn, giảm thuế; miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật cho nhà đầu tư được hưởng ưu đãi.

11. Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quảng Ninh: Chủ trì thẩm định các hồ sơ dự án liên quan đến sử dụng nguồn vốn từ Quỹ.

12. Các Sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm phối hợp với Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư Tỉnh giải quyết nhanh các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện dự án.

13. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

a) Giải quyết yêu cầu của các Sở, ngành và kiến nghị của các nhà đầu tư có liên quan đến dự án đầu tư thực hiện tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

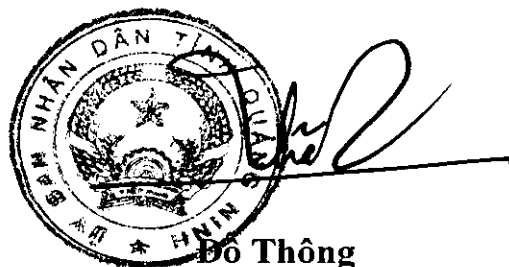
b) Quản lý nhà nước về đầu tư trên địa bàn; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan kiểm tra, nắm tình hình và báo cáo kết quả triển khai thực hiện các dự án đầu tư tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Ninh.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Quy định này được sửa đổi, bổ sung khi có các cơ chế, chính sách mới của Trung ương và của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư áp dụng theo từng thời điểm.

2. Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Quy định nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

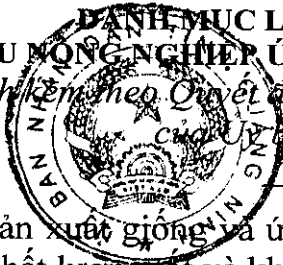
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thông

PHỤ LỤC

**DANH MỤC LĨNH VỰC KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ
VÀO KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TỈNH QUẢNG NINH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3262/2013/QĐ-UBND ngày 28/11/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)



1. Sản xuất giống và ứng dụng rộng rãi các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu cao.
2. Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao áp dụng quy trình quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), VietGAP, tập trung vào các loại cây lương thực, cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp.
3. Sản xuất rau an toàn, hoa cao cấp trong nhà lưới, nhà kính.
4. Nhân giống và sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu quy mô tập trung.
5. Trồng cây dược liệu.
6. Nghiên cứu ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao.
7. Ứng dụng các chế phẩm sinh học, các bộ kit chuẩn đoán bệnh cây trồng, các loại phân bón thế hệ mới trong trồng trọt và bảo vệ cây trồng nông nghiệp.
8. Nhân nhanh và sản xuất giống quy mô công nghiệp một số giống cây trồng lâm nghiệp mới, như: Keo lai, bạch đàn... bằng công nghệ mô, hom.
9. Xây dựng và mở rộng mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm cho một số loại cây trồng nông, lâm nghiệp.
10. Xây dựng và mở rộng mô hình bảo quản, chế biến sâu các sản phẩm nông sản.
11. Xây dựng và phát triển các cơ sở tự động hoặc bán tự động trong trồng trọt (nhân giống và sản xuất rau, hoa).
12. Xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm nông, lâm sản an toàn.
13. Lĩnh vực thủy sản (theo quy định tại Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển nông nghiệp cao đến năm 2020), gồm:
 - Nhân nhanh và sản xuất giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao, tập trung vào một số đối tượng thủy sản chủ yếu, như: Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, các loại cá nước ngọt, cá biển có giá trị cao, nhuyễn thể hai mảnh vỏ;
 - Nuôi thâm canh, siêu thâm canh, tự động kiểm soát và xử lý môi trường bằng các công nghệ tiên tiến (chemicalflog, biofloc, lọc sinh học) trong nuôi trồng một số loài thủy sản, như: Cá, tôm;
 - Sản xuất thức ăn, các loại thuốc phòng trị bệnh thủy sản, sản xuất các bộ kit chẩn đoán nhanh bệnh trên các đối tượng nuôi thủy sản.